



BẢN TIN CẬP NHẬT VĂN BẢN

Tháng 09/2025



- Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/07/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ. 3
- Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/08/2025 về sửa đổi quy chế kinh doanh vàng theo đó cấm dung tiền mặt khi mua vàng từ 20 triệu đồng trở lên. 3
- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/08/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 4
- Thông tư số 46/2025/TT-BNNMT ngày 6/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đồng xử lý chất thải trong lò nung xi măng. 5
- Thông tư số 23/2025/TT-NHNN ngày 12/08/2025 về việc các ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc được giảm 50% hạn mức dự trữ. 6
- Thông tư số 83/2025/TT-BTC ngày 15/8/2025 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. 6
- Công văn số 10530/HAN-QLDN4 ngày 13/08/2025 theo đó từ ngày 01/07/2025, dịch vụ cung ứng cho khu phi thuế quan chỉ được hưởng thuế GTGT 0% khi phục vụ sản xuất xuất khẩu. 6
- Công văn số 5067/ HQKV3-NVHQ ngày 12/8/2025 của Chi cục Hải quan khu vực III về việc áp dụng thuế GTGT theo đó từ ngày 01/07/2025 hàng xuất khẩu bị trả lại vẫn phải nộp thuế GTGT khi tái nhập. 6
- Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai 2024. 7



Nghị định số 199/2025/NĐ-CP ngày 8/7/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.	8
Công văn số 4421/TSC3-QLDN2 NGÀY 26/08/2025 về thời điểm lập hóa đơn đối với dịch vụ vận tải hàng hóa.	8
Công văn số 20607/ CHQ-GSQL ngày 22/8/2025 về việc nhiên liệu chứa trong phương tiện tạm nhập - tái xuất để sửa chữa vẫn phải khai báo với hải quan.	9
Công văn số 20361/ CHQ-NVTHQ ngày 20/8/2025 của Cục Hải quan hướng dẫn thủ tục xuất khẩu phần mềm.	9
Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 7/8/2025 của Chính phủ quy định mới về cấp và miễn giấy phép lao động cho người nước ngoài.	10
Công văn số 1804/ BHXH-QLT ngày 4/8/2025 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc sử dụng số định danh cá nhân/Căn cước công dân thay thế mã số Bảo hiểm xã hội và bộ mã quản lý.	10

Ngày 14/07/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 205/2025/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ, theo đó một số quy định sửa đổi, bổ sung đáng chú ý của Nghị định này bao gồm:

1. Định nghĩa và hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ :

+ Sửa đổi định nghĩa về công nghiệp hỗ trợ, nhấn mạnh các ngành công nghiệp sản xuất, gia công nguyên liệu, phụ liệu, linh kiện và phụ tùng.

+ Mở rộng các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ, bao gồm xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển công nghệ, và hỗ trợ pháp lý.

2. Ưu đãi cho dự án xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển: Dự án xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ sẽ được hưởng các ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất và hỗ trợ kinh phí đầu tư trang thiết bị.

3. Hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu và chuyển giao công nghệ: Tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu ứng dụng công nghệ sẽ được hưởng các ưu đãi từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và hỗ

trợ tối đa 50% kinh phí cho các dự án hợp tác nghiên cứu.

4. Hỗ trợ đào tạo và nâng cao nguồn nhân lực : Sinh viên, giảng viên, và chuyên gia trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ sẽ được hỗ trợ kinh phí đào tạo trong nước và quốc tế.

5. Hỗ trợ bảo vệ môi trường: Các dự án đầu tư phát triển khu công nghiệp hỗ trợ sẽ được ưu đãi về bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành.

6. Hỗ trợ pháp lý và chứng nhận chất lượng: Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ sẽ được hỗ trợ pháp lý và kinh phí cho các hoạt động thử nghiệm, kiểm định, và chứng nhận chất lượng sản phẩm.

7. Phát triển thị trường và kết nối doanh nghiệp: Doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ tối đa 70% chi phí cho các hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia triển lãm, và tư vấn mua bán, sáp nhập.

8. Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp: Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và chính sách ưu đãi cho các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp.

9. Trách nhiệm của các Bộ, ngành: Bộ Công Thương sẽ chủ trì quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp hỗ trợ và phối hợp với các bộ, ngành khác trong việc thực hiện các chính sách ưu đãi.

10. Điều chỉnh và thu hồi Giấy xác nhận ưu đãi : Quy định rõ về điều chỉnh, thu hồi Giấy xác nhận ưu đãi trong các trường hợp không đáp ứng đủ điều kiện.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2025

[Download](#)

Ngày 26/08/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 232/2025/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/04/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, theo đó sẽ sửa đổi một số điều khoản đáng chú ý như sau:

- Mở rộng phạm vi điều chỉnh: Bổ sung các hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản và phái sinh về vàng.

- Điều chỉnh định nghĩa vàng miếng: Vàng miếng do NHNN hoặc doanh nghiệp/ngân hàng được NHNN cho phép sản xuất.

- Bổ sung quy định về thanh toán: Giao dịch mua bán vàng **từ 20 triệu đồng trở lên** phải qua tài khoản ngân hàng.

- Bổ sung quy định về hóa đơn điện tử: Yêu cầu lập và sử dụng hóa đơn điện tử khi bán vàng nguyên liệu.

- Thay đổi điều kiện cấp phép sản xuất vàng miếng: Quy định cụ thể về vốn điều lệ, quy trình sản xuất

và các điều kiện khác cho doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.

- Siết chặt trách nhiệm của tổ chức sản xuất, kinh doanh vàng miếng: Yêu cầu công khai thông tin, bảo hành sản phẩm, xây dựng hệ thống thông tin và kết nối với NHNN. Cẩm kinh doanh vàng miếng qua đại lý ủy nhiệm.

- Điều chỉnh quy định về xuất nhập khẩu vàng: NHNN cấp hạn mức và giấy phép, quy định điều kiện cho từng loại hình doanh nghiệp, mục đích sử dụng vàng nguyên liệu.

- Bổ sung trách nhiệm của Ngân hàng Nhà Nước: Xây dựng chiến lược, điều chỉnh hạn mức, cấp phép, kiểm tra, thanh tra.

- Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực từ 10/10/2025. Cho phép Công ty SJC gia công lại vàng miếng SJC bị lỗi.

[Download](#)

Ngày 15/08/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 226/2025/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, theo đó :

1. Chính thức bãi bỏ khung giá đất

Nghị định 226/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2025. Theo đó, các quy định sau đây cũng hết hiệu lực thi hành:

- Nghị định số 96/2019/NĐ-CP quy định về khung giá đất;

- Nghị định số 26/2021/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Như vậy, quy định của Chính phủ về khung giá đất tại Nghị định 96/2019 đã chính thức bị bãi bỏ từ ngày 15/8/2025.

2. Có thể xác định giá đất công cộng theo đất thương mại

Tại khoản 7 điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP quy định:

“Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào các mục

đích công cộng không có mục đích kinh doanh, đất tôn giáo, đất tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt thì căn cứ vào giá đất cùng mục đích sử dụng tại khu vực lân cận để quy định mức giá đất.

Trường hợp trong bảng giá đất **không có giá loại đất cùng mục đích** sử dụng thì căn cứ vào giá đất ở **hoặc giá đất thương mại, dịch vụ tại khu vực lân cận để quy định mức giá đất**. Riêng đối với đất xây dựng công trình sự nghiệp thì căn cứ vào giá đất thương mại, dịch vụ hoặc đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại khu vực lân cận để quy định mức giá đất cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.”

(*Trước đây, điểm d khoản 2 Điều 12 Nghị định 71/2024/NĐ-CP quy định: Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào các mục đích công cộng không có mục đích kinh doanh, đất tôn giáo, tín ngưỡng sử dụng; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt thì căn cứ vào giá đất cùng mục đích sử dụng tại khu vực lân cận để quy định mức giá đất. Trường hợp trong bảng giá đất không có giá loại đất cùng mục đích sử dụng thì căn cứ vào giá đất ở tại khu vực lân cận để quy định mức giá đất*)

3. Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện xây dựng bảng giá đất

4. Thay đổi cơ quan có thẩm quyền lựa chọn tổ chức định giá đất

Khoản 8 Điều 1 Nghị định 226 quy định: Căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương, **cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh** (ngoài Sở Nông nghiệp và Môi trường còn có Văn phòng Đăng ký đất đai, Tổ chức Phát triển Quỹ đất) quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện hoạt động tư vấn xác định giá đất hoặc lựa chọn tổ chức tư vấn xác định giá đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu để xây dựng bảng giá đất

(*Trước đây tại khoản 5 Điều 13 Nghị định 71 quy định: Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn tổ chức thực hiện định giá đất để xây dựng bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Trường hợp tại thời điểm đóng thầu, không có nhà thầu nào tham dự thì được gia hạn 01 lần. Sau khi gia hạn mà không lựa chọn được nhà thầu thì Sở Tài nguyên và Môi trường giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện hoạt động tư vấn xác định giá đất*)

5. Bổ sung quy định về bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất

6. Sửa quy định về ghi nợ tiền sử dụng đất khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: Thời hạn nợ tiền sử dụng đất của đối tượng quy định tại điểm a khoản này được tính cho đến khi người sử dụng đất thực hiện quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất và phải nộp đủ tiền sử dụng đất còn nợ trước khi thực hiện các quyền này; trường hợp tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất thì người nhận tặng cho thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và người nhận thừa kế được tiếp tục ghi nợ

Download



Ngày 06/08/2025 Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư số 46/2025/TT-BNNMT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đồng xử lý chất thải trong lò nung xi măng, theo đó:

- Theo quy định, lò nung được sử dụng để đồng xử lý chất thải phải là lò quay phương pháp khô, có áp suất âm nhằm hạn chế khí thải thoát ra ngoài qua cửa nạp. Hệ thống xử lý khí thải phải xử lý triệt để các thông số ô nhiễm độc hại, đồng thời không được pha loãng khí thải bằng không khí bên ngoài sau hệ thống xử lý.

- Một số loại chất thải cấm tuyệt đối nạp vào lò nung, bao gồm: chất thải phóng xạ; thiết bị có chứa thủy ngân đã qua sử dụng (mã 13 03 02); bóng đèn huỳnh quang (mã 16 01 06); chất thải y tế lây nhiễm (mã 13 01 01)... Ngoài ra, chất thải phải được xử lý tiền kiểm tra kỹ về chủng loại, kích thước, khối lượng, vị trí nạp để đảm bảo không ảnh hưởng đến vận hành, chất lượng sản phẩm và khả năng xử lý khí thải. Khu vực lưu giữ, tiền xử lý và nạp chất thải phải có biện pháp thu gom, xử lý mùi phát tán.

- Trong quá trình vận hành, không được nạp chất thải nguy hại khi lò đang khởi động (chế độ sấy) hoặc khi mức nạp liệu dưới 75% định mức vận hành. Chất thải hữu cơ dễ bay hơi không được đưa vào

tháp trao đổi nhiệt. Chất thải nguy hại chứa halogen hữu cơ (ký hiệu "NH") phải được đưa vào vò đốt chính ở cuối lò.

- Khi dừng lò khẩn cấp, việc nạp chất thải phải dừng trước khi ngừng nguyên liệu và nhiên liệu. Nếu dừng lò có kế hoạch, phải ngừng nạp chất thải ít nhất 2 giờ trước đó. Nhật ký vận hành phải ghi rõ thông tin người vận hành, thời gian, loại và khối lượng chất thải và được lưu giữ tối thiểu 2 năm.

- Lộ trình áp dụng quy chuẩn mới và khuyến nghị

+ Từ ngày 09/02/2026, Quy chuẩn QCVN 41:2025/BNNMT bắt đầu có hiệu lực. Các dự án đầu tư mới, mở rộng hoặc nâng công suất có hoạt động đồng xử lý chất thải phải tuân thủ hoàn toàn quy định tại quy chuẩn mới.

+ Đối với các cơ sở đang vận hành hoặc dự án đã nộp hồ sơ đầy đủ trước thời điểm Thông tư có hiệu lực, vẫn được phép áp dụng QCVN 41:2011/BTNMT đến hết ngày 31/12/2031. Tuy nhiên, các cơ sở này phải đảm bảo giới hạn khí thải theo QCVN 19:2024/BTNMT (ban hành theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT).

+ Từ ngày 01/01/2032, tất cả các cơ sở có hoạt động đồng xử lý chất thải trong lò nung xi

măng bắt buộc phải chuyển sang áp dụng QCVN 41:2025/BNNMT. Đồng thời, Bộ khuyến khích các đơn vị chủ động áp dụng sớm để nâng cao hiệu quả vận hành và tăng khả năng hội nhập quốc tế.

- Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/02/2026 và thay thế Thông tư số 44/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011.

Download

Ngày 12/08/2025 Ngân hàng Nhà Nước ban hành Thông tư số 23/2025/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thực hiện dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, theo đó :

- Bổ sung Ngân hàng chính sách vào diện các tổ chức tín dụng không phải thực hiện dự trữ bắt buộc.

- **Bổ sung** quy định giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng là bên nhận chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt. Mức giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc được tính trên cơ sở tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng đó quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 30/2019/TT-NHNN và áp dụng đối với tất cả các loại tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc.

- Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025.

[Download](#)

Ngày 15/08/2025 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 83/2025/TT-BTC về việc bãi bỏ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty Nhà nước, theo đó:

Thông tư này bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 138/2012/TT-BTC hướng dẫn việc phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2025.

[Download](#)

Ngày 13/08/2025 Thuế thành phố Hà Nội ban hành Công văn số 10530/HAN-QLDN4 về thuế suất thuế giá trị gia tăng, theo đó:

Theo quy định mới tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 và khoản 2, khoản 5 Điều 17 Nghị định 181/2025/NĐ-CP (hiệu lực kể từ 1/7/2025), dịch vụ cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan chỉ được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% khi đáp ứng các điều kiện: tiêu dùng trong khu phi thuế quan và phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu .

Theo đó, trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán, kế toán, tư vấn cho tổ chức trong khu phi thuế quan nhưng không tiêu dùng trong khu phi thuế quan, không phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu thì không được áp dụng thuế suất GTGT 0%

[Download](#)

Ngày 12/08/2025 Chi cục Hải quan khu vực III ban hành Công văn số 5067/HQKV3-NVHQ về việc áp dụng thuế GTGT, theo đó:

- Tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung Thông tư số 219/2013/TT-BTC) có quy định: "Cơ sở kinh doanh không phải nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu trong trường hợp nhập khẩu hàng hoá đã xuất khẩu nhưng bị phía nước ngoài trả lại. Khi cơ sở kinh doanh bán hàng hoá bị trả lại này trong nội địa thì phải kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định".

Tuy nhiên Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC nêu trên đã bị bãi bỏ kể từ ngày 1/7/2025 theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 69/2025/TT-BTC. Từ ngày 1/7/2025, chính sách thuế GTGT đối với trường hợp nhập khẩu hàng hoá đã xuất khẩu nhưng bị phía nước ngoài trả lại sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 5 Luật Thuế GTGT năm 2024

[Download](#)

Ngày 19/08/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 230/2025/NĐ-CP quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai 2024, theo đó :

Các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất và tiền thuê đất theo Nghị định này bao gồm:

1. Miễn tiền sử dụng đất:

- + Giao đất ở tái định cư hoặc cho các hộ gia đình, cá nhân trong cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ.
- + Giao đất cho hộ dân làng chài hoặc dân sống trên sông nước, đàm phá di chuyển đến khu tái định cư.

2. Giảm tiền sử dụng đất:

- + Giảm 30% tiền sử dụng đất hàng năm đối với các trường hợp sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động sản xuất kinh tế.
- + Miễn, giảm tiền sử dụng đất để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh.

3. Miễn tiền thuê đất:

- Miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê đối với:

+ Trụ sở ngân hàng chính sách xã hội.

+ Trụ sở Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

+ Trụ sở các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

+ Điểm Bưu điện - Văn hóa xã.

+ Cơ sở nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

+ Đất thuộc các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

+ Khu công nghệ số tập trung.

+ Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia.

+ Diện tích nhà, đất phục vụ đối ngoại.

+ Đất không phải là đất quốc phòng của đơn vị quân đội cung cấp dịch vụ công.

4. Giảm tiền thuê đất:

+ Giảm tiền thuê đất đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

+ Giảm tiền thuê đất đối với đất thuê trả tiền thuê hằng năm để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối mà bị thiên tai, hỏa hoạn.

+ Giảm tiền thuê đất đối với đất thuê trả tiền thuê hằng năm để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh nhưng phải tạm ngừng hoạt động để khắc phục hậu quả do bị thiên tai, hỏa hoạn hoặc do tai nạn bất khả kháng.

+ Giảm tiền thuê đất cho tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc người khuyết tật.

+ Giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hoá.

+ Giảm 50% tiền thuê đất đối với tổ hợp tác, hợp tác xã sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh.

+ Miễn, giảm tiền thuê đất trong trường hợp cần thiết để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội.

5. Giảm 30% tiền thuê đất năm 2025:

+ Đối tượng được giảm 30% tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 là người sử dụng đất đang được Nhà nước cho thuê đất dưới hình thức trả tiền thuê hằng năm.

+ Mức giảm 30% chỉ tính trên số tiền thuê đất phải nộp của năm 2025, không giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2025 và tiền chậm nộp (nếu có).

[Download](#)

Ngày 08/07/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 199/2025/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan, theo đó :

- Điều chỉnh giảm thuế suất thuế xuất khẩu từ 3% xuống 0% cho các loại khí: khí Argon, khí hiếm khác, khí Nitơ và khí Oxy. Tuy nhiên, mã hàng Phospho vàng bị điều chỉnh tăng thuế suất thuế xuất khẩu từ 3% lên 5% kể từ ngày 8/7/2025, sau đó tiếp tục tăng lên 10% kể từ 1/1/2026 và tăng lên 15% kể từ 1/1/2027.

- Về thuế nhập khẩu ưu đãi (thuế MFN), Nghị định này điều chỉnh tăng thuế suất từ 0% lên 2% đối với các mặt hàng sau: Polyetylen chứa các monomer alpha-olefin từ 5% trở xuống thuộc mã hàng 3901.10.92; Polyetylen có trọng lượng riêng từ 0,94 trở lên thuộc mã hàng 3901.20.00; các copolyme etylene-alpha-olefin, có trọng lượng riêng dưới 0,94 thuộc mã hàng 3901.40.00 và các polyme từ propylen thuộc mã hàng 3902.90.90. Đối với mặt hàng Tấm thép đen (tôn đen) cán để tráng thiếc (Tin - mill blackplate - TMBP) thuộc mã hàng 7209.18.10 thì bị tăng thuế

suất MFN từ 0% lên 7% kể từ 1/9/2025.

- Bổ sung một số quy định có lợi cho doanh nghiệp ô tô (bổ sung điểm c.3.6 và c.3.7 vào khoản 3 Điều 8 Nghị định 26/2023/NĐ-CP) liên quan đến điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi 0% khi nhập khẩu linh kiện ô tô. Theo đó:

+ Trường hợp doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe ô tô xét ưu đãi theo điểm c.3.2, c.3.3, c.3.4 khoản này có sản xuất, lắp ráp thêm xe ô tô chạy điện, xe ô tô sử dụng pin nhiên liệu, xe ô tô hybrid, xe ô tô sử dụng nhiên liệu sinh học hoàn toàn, xe ô tô sử dụng khí thiên nhiên thì được cộng số lượng xe ô tô chạy điện, xe ô tô sử dụng pin nhiên liệu, xe ô tô hybrid, xe ô tô sử dụng nhiên liệu sinh học hoàn toàn, xe ô tô sử dụng khí thiên nhiên trong kỳ xét ưu đãi vào sản lượng chung tối thiểu và sản lượng riêng tối thiểu của từng nhóm xe, mẫu xe sử dụng nhiên liệu xăng, dầu tương ứng để xác định sản lượng chung tối thiểu và sản lượng riêng tối thiểu của nhóm xe, mẫu xe khi xét ưu đãi.

+ Trường hợp doanh nghiệp nắm giữ trên 35% vốn điều lệ của các công ty sản xuất, lắp ráp xe ô tô đã được Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận

đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô (gọi tắt là doanh nghiệp sở hữu) thì các công ty sản xuất, lắp ráp xe ô tô nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định được cộng gộp sản lượng xe ô tô sản xuất, lắp ráp của các công ty đó để tính sản lượng tối thiểu khi xét điều kiện hưởng ưu đãi của Chương trình ưu đãi thuế.

+ Cơ quan hải quan nơi công ty sản xuất, lắp ráp xe ô tô đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế sẽ thực hiện hoàn thuế tương ứng với sản lượng xe ô tô do công ty đó sản xuất, lắp ráp đã xuất xưởng trong kỳ xét ưu đãi.

- Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/07/2025.

[Download](#)

Ngày 26/08/2025 Thuế tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn số 4421/TSC3-QLDN2 về thời điểm lập hóa đơn đối với dịch vụ vận tải hàng hóa, theo đó :

Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ vận tải hàng hoá bằng đường bộ nếu đáp ứng điều kiện về kinh doanh dịch vụ logistics theo quy định tại Nghị định số 163/2017/NĐ-CP và cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu với khách hàng thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Tuy nhiên, nếu dịch vụ vận tải hàng hoá của Công ty không đáp ứng quy định về kinh doanh dịch vụ logistics thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

[Download](#)

Ngày 22/08/2025 Cục Hải quan ban hành Công văn số 20607/CHQ-GSQL về việc vướng mắc khoản 14 Điều 4 Thông tư số 69/2016/TT-BTC, theo đó:

Theo Cục Hải quan, hiện nay, khoản 14 Điều 4 Thông tư số 69/2016/TT-BTC quy định "Đối với nhiên liệu xăng dầu chứa trong phương tiện chuyên dụng tự hành hoặc không tự hành tạm nhập tái xuất (vừa là phương tiện tự hành hoặc không tự hành đến Việt Nam, vừa là thiết bị, máy móc nhập khẩu hoặc tạm nhập tái xuất phục vụ thi công công trình, dự án đầu tư" đều phải áp dụng quy trình giám sát quản lý về hải quan như: khai báo Bản khai dự trữ tàu (đối với trường hợp phương tiện tự hành); lượng nhiên liệu chứa trong phương tiện do chủ tàu hoặc đại lý chủ tàu xác định (đối với trường hợp phương tiện không tự hành), thông báo với cơ quan hải quan về lượng xăng dầu dự kiến tiêu thụ tại Việt Nam; thực hiện kê khai hải quan và làm thủ tục tạm nhập, nộp thuế đối với số tiền thuế tương ứng với số xăng dầu dự kiến tái xuất; khi phương tiện chuyên dụng làm thủ tục xuất cảnh thì thực hiện kê khai lượng xăng dầu thực tế sử dụng tại Việt Nam và làm thủ tục xuất khẩu hoặc tái xuất đối với lượng xăng dầu nhập khẩu, tạm

nhập còn tồn chứa trong tàu và hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định.

Do vậy, trường hợp nhiên liệu xăng dầu trên các phương tiện tự hành hoặc không tự hành tạm nhập tái xuất để sửa chữa thuộc đối tượng áp dụng tại khoản 14 Điều 4 Thông tư số 69/2016/TT-BTC. Quy định tại khoản 14 Điều 4 Thông tư số 69/2016/TT-BTC được xây dựng để thực hiện công tác giám sát, quản lý đối với xăng dầu chứa trong các phương tiện chuyên dụng tự hành hoặc không tự hành có hoạt động tạm nhập tái xuất tại Việt Nam nhằm đảm bảo việc thực hiện thủ tục hải quan và hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định, tránh hành vi buôn lậu và gian lận thương mại đối với mặt hàng xăng dầu có tính chất đặc thù và giá trị cao.

[Download](#)

Ngày 20/08/2025 Cục Hải Quan ban hành Công văn số 20361/CHQ-NVTHQ về hướng dẫn thủ tục xuất khẩu phần mềm, theo đó:

- Phần mềm ứng dụng không có tên gọi và mã số hàng hoá theo danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam nên phần mềm xuất khẩu không phải làm thủ tục hải quan và được quản lý hải quan theo phương tiện chứa đựng. Phần mềm xuất khẩu được chứa trong đĩa CD thì đĩa CD được coi là hàng hoá xuất khẩu, phải làm thủ tục hải quan và chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan hải quan;

- Về trị giá hải quan: Trường hợp hàng hoá xuất khẩu là phương tiện trung gian (carrier media) chứa đựng phần mềm ứng dụng thì trị giá hải quan là giá bán của phương tiện trung gian đến cửa khẩu xuất, không bao gồm trị giá của phần mềm ứng dụng nếu trên hoá đơn thương mại, trị giá của phần mềm ứng dụng được tách riêng với trị giá của phương tiện trung gian.

- Về khai báo trên tờ khai hàng xuất khẩu:

+ Trong trường hợp người khai hải quan có thể tách riêng trị giá phần mềm và trị giá của phương tiện trung gian trên hoá đơn thương mại: người khai hải quan khai mã số hàng hoá của

phương tiện trung gian tại ô "Mã số hàng hoá"; Ô "Tổng trị giá hoá đơn" người khai hải quan khai tổng trị giá của phương tiện trung gian theo hoá đơn thương mại, ô "Tổng trị giá tính thuế" khai tổng trị giá hải quan của phương tiện trung gian; trị giá của phần mềm ứng dụng được khai báo tại phần ghi chú trên tờ khai xuất khẩu.

+ Trong trường hợp người khai hải quan không thể tách riêng trị giá phần mềm và trị giá của phương tiện trung gian trên hoá đơn thương mại, người khai hải quan khai mã số hàng hoá của phương tiện trung gian tại ô "Mã số hàng hoá"; Ô "Tổng trị giá hoá đơn" người khai hải quan khai tổng trị giá của phần mềm và phương tiện trung gian theo hoá đơn thương mại, ô "Tổng trị giá tính thuế" khai tổng trị giá hải quan của phần mềm và phương tiện trung gian.

[Download](#)

Ngày 07/08/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 219/2025/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, theo đó:

Nghị định này thay mới một số quy định liên quan đến người lao động nước ngoài, gồm: điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động, giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo Điều 157 Bộ luật lao động và người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo các khoản 1, 2 và 9 Điều 154 Bộ luật lao động.

- Theo đó, các trường hợp người nước ngoài được miễn giấy phép lao động khi làm việc tại Việt Nam được quy định cụ thể tại Điều 7 Nghị định này. Trong đó, bao gồm những trường hợp đáng chú ý sau:

+ Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên tại công ty trách nhiệm hữu hạn;

+ Là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên tại công ty cổ phần;

+ Vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức;

+ Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại;

+ Người lao động nước ngoài là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Vào Việt Nam làm việc có tổng thời gian dưới 90 ngày trong 01 năm, tính từ 01 tháng 01 đến ngày cuối cùng của năm; (ii) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp.

- Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 07/8/2025.

[Download](#)

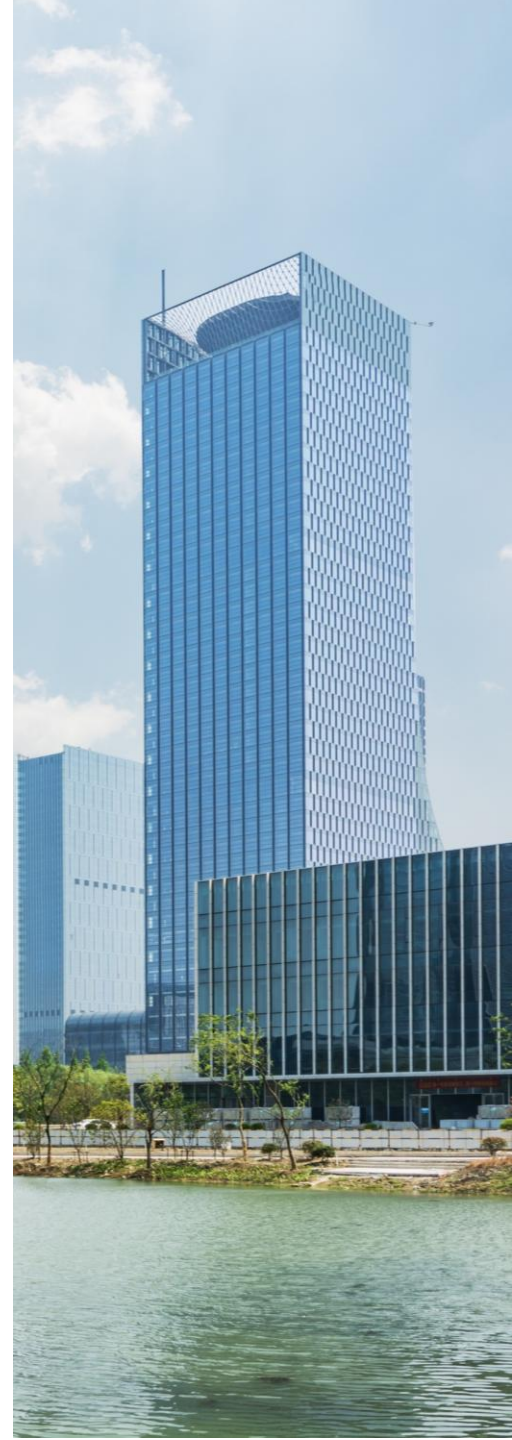
Ngày 04/08/2025 Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Công văn số 1804/BHXH-QLT về việc sử dụng số định danh cá nhân/Căn cước công dân thay thế mã số Bảo hiểm xã hội và bộ mã quản lý, theo đó:

- Theo thông báo của BHXH Việt Nam, kể từ ngày 1/8/2025, số định danh cá nhân/căn cước công dân sẽ được sử dụng thay thế cho mã số BHXH của người tham gia BHXH, BHYT.

- Bộ mã đơn vị tham gia BHXH, BHYT cũng được điều chỉnh, sẽ bao gồm: mã định danh (là mã số doanh nghiệp gồm 10 ký tự), mã đối tượng (là mã đối tượng của người tham gia BHYT, chi tiết tại Phụ lục I đính kèm) và mã loại hình sản xuất kinh doanh (03 ký tự, chi tiết tại Phụ lục II đính kèm).

- Danh mục khối loại hình tham gia BHYT, mã đối tượng, mức hưởng của đối tượng tham gia BHYT được chi tiết tại Phụ lục I.

[Download](#)





Thông tin liên hệ

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 12 - Tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân,
P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (024) 6278.2904
Fax: (024) 6278.2905
Email: anviet@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Tầng 9, tòa nhà AC - 78 Duy Tân,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (024) 3795.8705
Fax: (024) 3795.8677
Email: anviet.hn@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

BH06-12A, Khu đô thị Vinhomes Imperia,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
Tel: (0225) 384.2430
Fax: (0225) 384.2433
Email: anviet.hp@anvietcpa.com



Ông Vũ Bình Minh

Tổng Giám đốc

Tel: 0904.347.726

Email: minh.vu@anvietcpa.com



Ông Đỗ Dương Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Tel: 0939 333 119

Email: tung.do@anvietcpa.com



Bà Vũ Thị Hương Giang

Phó Tổng Giám đốc

Tel: 0909 866 888

Email: giang.vu@anvietcpa.com